TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 6 – 2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Kỳ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn mầm
Ông Bùi Hữu Khánh
- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp RD, xã THĐ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Thị Bé H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp RD, xã THĐ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2018 nguyên đơn anh Lê Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị H kết hôn vào ngày 19/5/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NC, huyện Giồng Giềng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 28/7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau, chị H thường xuyên bỏ nhà ra đi. Anh chị đã sống ly thân nhàu từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Lê Cường T, sinh ngày 05/11/2014, hiện đang sống với anh M.

Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa anh Lê Văn M và chị Thị Bé H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chị Thị Bé H có địa chỉ cư trú tại ấp RD, xã THĐ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: anh Lê Văn M và chị Thị Bé H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Giềng, tỉnh Kiên Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì anh Lê Văn M có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của anh M đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, chị Thị Bé H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập chị Bé H hợp lệ đến lần thứ hai để đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng chị Bé H vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị Bé H. Do anh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh M và chị Bé H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị Bé H thường xuyên bỏ nhà ra đi, và anh chị đã có thời gian ly thân kéo dài. Chị Bé H không có ý kiến gì đối với việc anh M xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh M và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh M được ly hôn với chị H là phù hợp.

[2] *Về nuôi dưỡng con chung:* Anh M và chị H có một con chung là Lê Cường T, sinh ngày 05/11/2014, hiện đang sống với anh M. Sau khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi cháu T. Xét thấy, Chị H không có ý kiến gì về việc anh M yêu cầu nuôi cháu T. Hơn nữa, từ khi ly thân đến nay cháu T sống với anh M đã ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung*: Anh M xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Anh M xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc anh M phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Văn M được ly hôn với chị Thị Bé H.

Về con chung: Giao cháu Lê Cường T, sinh ngày 05/11/2014 cho anh Lê Văn M tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Thị Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Lê Văn M phải chịu án phí là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004154 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Lê Văn M và chị Thị Bé H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *UBND xã Ngọc Chúc;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỳ